

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ VN VIỆT - TRUNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ VN VIỆT - TRUNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VN VIET – TRUNG INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET – TRUNG.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400654184

**3. Ngày đăng ký thành lập:** 17/12/2013

**4. Địa chỉ trụ sở chính:** Cụm Công nghiệp thôn Làng Sai, Xã Ngọc Vân, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0240.3833.694

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                | 4690     |
| 2.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                              | 4511     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                           | 4653     |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                         | 1629     |
| 5.  | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                | 4541     |
| 6.  | Trồng rừng và chăm sóc rừng                                                                                                                                      | 0210     |
| 7.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                            | 4543     |
| 8.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng.                                                                        | 4932     |
| 9.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                   | 4933     |
| 10. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh                                                                                                                   | 0118     |
| 11. | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết: Sản xuất đồ nhựa cho xây dựng như: đồ thiết bị vệ sinh bằng nhựa như bể bơi plastic, vòi tắm, chậu tắm, chậu rửa mặt   | 2220     |
| 12. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất tôn;tấm lợp kim loại;<br>- Sản xuất đồ dùng cho nhà vệ sinh bằng kim loại | 2599     |

|     |                                                                                                                                                |                                                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty sản xuất, kinh doanh. | 8299                                                         |
| 14. | Trồng cây ăn quả                                                                                                                               | 0121                                                         |
| 15. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                   | 4512                                                         |
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                        | 4663                                                         |
| 17. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                         | 4620(Chính)                                                  |
| 18. | Vận tải hành khách bằng taxi                                                                                                                   | 49312                                                        |
| 19. | Chăn nuôi dê, cừu                                                                                                                              | 0144                                                         |
| 20. | Chăn nuôi lợn                                                                                                                                  | 0145                                                         |
| 21. | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                              | 0146                                                         |
| 22. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                | 1010                                                         |
| 23. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                   | 1030                                                         |
| 24. | Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp                                                                                                         | 0130                                                         |
| 25. | Chăn nuôi trâu, bò                                                                                                                             | 0141                                                         |
| 26. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao<br>Chi tiết: Sản xuất, chế biến bê tông, gạch không nung.                             | 2395                                                         |
| 27. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                             | 4530                                                         |
| 28. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                           | 4752                                                         |
| 29. | Chăn nuôi ngựa, lừa, la                                                                                                                        | 0142                                                         |
| 30. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kim loại quý hiếm)                                                                                    | 4662                                                         |
| 31. | Cho thuê ô tô                                                                                                                                  | 77101                                                        |
| 32. |                                                                                                                                                | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 100.000 VNĐ/Cổ phần

Tổng số cổ phần: 60.000

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 60.000

**8. Vốn pháp định:** 0 VNĐ

**9. Danh sách cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (chứng thực cá nhân) đối với cá nhân; MSD N đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN XUÂN HÒA   | Thôn Hưng Đạo, Thị trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 9.000      | 900.000.000           | 15        | 017468476                                                                                                              |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 9.000      | 900.000.000           | 15        |                                                                                                                        |         |
| 2   | DƯƠNG HỒNG THU  | Xóm 1, Miêu Nha, Xã Tây Mỗ, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 12.000     | 1.200.000.000         | 20        | 013226242                                                                                                              |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 12.000     | 1.200.000.000         | 20        |                                                                                                                        |         |
| 3   | NGUYỄN VĂN HIỆU | Làng Mới, Xã Ngọc Vân, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 39.000     | 3.900.000.000         | 65        | 121223384                                                                                                              |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 39.000     | 3.900.000.000         | 65        |                                                                                                                        |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: TRẦN XUÂN HÒA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 09/06/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017468476

Ngày cấp: 17/08/2013

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hưng Đạo, Thị trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Hưng Đạo, Thị trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

#### 11. Nơi đăng ký:

Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang